

## **HIỆP ĐỊNH TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VÀ PHÁP LÝ**

**(Về dân sự và hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc)**

*(Có hiệu lực từ ngày 16/4/1984; được Séc và Xlô-va-ki-a kế thừa)*

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc.

Với lòng mong muốn phát triển hơn nữa giữa những quan hệ anh em giữa hai Nhà nước và nhân dân hai nước, trên tinh thần hữu nghị và hợp tác, để tạo thuận lợi cho các quan hệ pháp lý về dân sự, gia đình và hình sự giữa hai nước.

Trên cơ sở Hiệp ước hữu nghị và hợp tác ký kết giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc, ngày 14 tháng 2 năm 1980.

Đã quyết định ký kết Hiệp định này.

Hai bên đã chỉ định đại diện toàn quyền của mình:

Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cử:

Phan Hiền, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc cử:

Antonin Kaspar, Bộ trưởng Tư pháp Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Séc.

Các đại diện toàn quyền, sau khi trao đổi các giấy ủy quyền hợp pháp và hợp thức đã thỏa thuận những điều dưới đây.

### ***Phần I***

## **QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Bảo hộ pháp lý**

1. Công dân nước ký kết này được hưởng trên lãnh thổ nước ký kết kia, đối với nhân thân và sở hữu của mình, cùng những quyền và cùng sự bảo hộ pháp lý như công dân nước ký kết kia.

2. Phù hợp với quy định của khoản 1 Điều này, công dân nước ký kết này được tự do liên hệ với các Tòa án và các cơ quan khác có thẩm quyền về dân sự và hình sự của nước ký kết kia và quyền đưa đơn kiện trước các cơ quan đó để bảo vệ các quyền nhân thân và quyền tài sản của mình.

3. Các việc dân sự nói trong Hiệp định này cùng bao gồm các việc về gia đình và lao động.

4. Những quy định của Hiệp định này đối với công dân cùng áp dụng cùng với pháp nhân của hai nước ký kết.

### **Điều 2. Tương trợ tư pháp**

1. Các Tòa án, các Viện kiểm sát và các cơ quan khác của hai nước ký kết, có thẩm quyền về dân sự và hình sự (sau đây gọi chung là cơ quan tư pháp)

tương trợ nhau về mặt tư pháp theo những điều kiện quy định trong Hiệp định này.

2. Các cơ quan tư pháp tương trợ nhau trong việc thực hiện các hành vi tố tụng, nhất là trong việc lấy lời khai của người làm nhân chứng, của đương sự, của bị can, hoặc của các người khác, trong việc tiến hành giám định, trong việc lập chuyển và tổng đạt giấy tờ.

### **Điều 3. Cách thức liên hệ**

1. Các cơ quan tư pháp của các nước ký kết liên hệ với nhau qua cơ quan trung ương của mình trừ trường hợp Hiệp định nào quy định khác.

2. Để thi hành Hiệp định này, các cơ quan dưới đây là cơ quan trung ương.

a) Về phía Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;

b) Về phía Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc:

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc;
- Bộ Tư pháp Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Séc;
- Bộ Tư pháp Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Slovak.

### **Điều 4. Tiếng nói**

Để thi hành Hiệp định này, khi liên hệ với nhau, các cơ quan của hai nước ký kết dùng tiếng nói chính thức của nước mình hoặc tiếng Nga, trừ phi Hiệp định này quy định khác.

### **Điều 5. Ủy thác tư pháp**

1. Nếu Hiệp định này không có quy định khác, tương trợ tư pháp được thực hiện trên cơ sở Bản ủy thác tư pháp phù hợp với pháp luật của nước được ủy thác.

2. Bản ủy thác tư pháp và các văn bản phụ đính phải được nhà chức trách có thẩm quyền ký tên và đóng dấu chính thức. Nếu cần kèm theo bản dịch thì bản dịch phải do người phiên dịch được ủy nhiệm, cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự của một nước ký kết chứng nhận là dịch đúng.

3. Trong việc tương trợ tư pháp, cơ quan của mỗi nước ký kết có thể dùng giấy in sẵn của mình.

4. Bản ủy thác tư pháp cần nêu rõ:

- a) Tên cơ quan tư pháp ủy thác;
- b) Tên cơ quan tư pháp được ủy thác;

c) Vụ kiện chính xác đòi hỏi việc tương trợ tư pháp, mục đích yêu cầu của việc ủy thác và những tài liệu cần thiết để thực hiện việc ủy thác;

d) Họ, tên, quốc tịch, nơi thường trú hoặc tạm trú, nghề nghiệp của đương sự, bị can, bị cáo, người bị kết án, người làm chứng và của người bị thiệt hại nếu có;

e) Họ, tên và địa chỉ của những người đại diện hợp pháp trong trường hợp những người này đã được chỉ định.

5. Giấy ủy thác tổng đạt giấy tờ những điều nói ở khoản 4 trên đây còn phải ghi rõ địa chỉ đúng của người nhận và tính chất của giấy tờ tổng đạt.

6. Nếu là ủy thác lấy lời khai thì còn phải ghi rõ những câu hỏi cần đặt.

7. Trong những vụ án hình sự, giấy ủy thác còn phải nêu rõ tội danh và mô tả hành vi phạm tội, trong chừng mực có thể, nêu rõ ngày sinh của các bị can và họ, tên của bố mẹ họ.

### **Điều 6. Thực hiện ủy thác tư pháp**

1. Để thực hiện ủy thác tư pháp thì áp dụng khoản 1 Điều 5 của Hiệp định này. Theo yêu cầu của bên ủy thác, có thể thực hiện việc ủy thác theo cách thức nói trong giấy ủy thác nếu làm như vậy không trái với pháp luật của nước được ủy thác.

2. Khi được yêu cầu, cơ quan tư pháp được ủy thác sẽ kịp thời thông báo cho cơ quan tư pháp ủy thác về nơi và ngày thực hiện việc ủy thác.

3. Trong trường hợp cơ quan được ủy thác không phải là cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc ủy thác, thì cơ quan đó phải chuyển ngay giấy ủy thác cho cơ quan có thẩm quyền.

4. Nếu không thực việc ủy thác, cơ quan được ủy thác trả lại giấy tờ cho cơ quan ủy thác và nói rõ lý do.

5. Nếu trong giấy ủy thác không nêu được địa chỉ chính xác của người có liên quan, cơ quan nhận ủy thác sẽ tiến hành những biện pháp cần thiết để xác định địa chỉ này.

### **Điều 7. Chuyển giao giấy tờ**

1. Những giấy tờ về dân sự cần tổng đạt cho người thường trú trên lãnh thổ nước ký kết kia phải kèm theo hai bản và giấy yêu cầu tổng đạt.

2. Đối với giấy cần tổng đạt mà không viết bằng tiếng của nước ký kết được ủy thác hoặc không kèm theo bản dịch ra tiếng nước này, thì nước được ủy thác chỉ tổng đạt khi đương sự đồng ý nhận.

3. Về chứng minh việc tổng đạt giấy tờ thì tuân theo pháp luật của nước đã nhận ủy thác. Giấy biên nhận về tổng đạt phải ghi rõ nơi, ngày và cách thức tổng đạt.

4. Nếu không thể tổng đạt giấy tờ ở địa chỉ đã ghi, cơ quan nhận ủy thác sẽ tiến hành những biện pháp cần thiết để xác định địa chỉ đúng của người nhận.

Trong trường hợp không có khả năng xác định địa chỉ này, cơ quan nhận ủy thác thông báo cho cơ quan ủy thác và đồng thời trả lại giấy tờ.

5. Theo yêu cầu của cơ quan ủy thác, cơ quan được ủy thác trong khuôn khổ pháp luật hiện hành của nước mình, sẽ tìm mọi cách để tổng đạt giấy tờ cho đích thân người nhận.

### **Điều 8. Tổng đạt giấy tờ cho công dân nước mình**

Các nước ký kết có thể tổng đạt giấy tờ cho công dân của mình qua cơ quan ngoại giao cũng như qua cơ quan lãnh sự. Trong trường hợp này, không được sử dụng các biện pháp cưỡng chế.

### **Điều 9. Bảo hộ người làm chứng và người giám định**

1. Một người làm chứng hoặc một người giám định thường trú 1 trên lãnh thổ nước ký kết này không buộc phải trình diện khi có giấy gọi của một cơ quan một nước ký kết kia vì vậy giấy gọi không có khoản đe dọa dùng biện pháp cưỡng chế nếu không trình diện.

2. Một người làm chứng hoặc một người giám định bất kỳ kể quốc tịch gì, thường trú trên lãnh thổ nước ký kết này, khi trình diện theo giấy gọi của cơ quan tư pháp nước ký kết kia, thì không thể bị truy tố, bị hạn chế tự do vì lý do đã có hành vi phạm pháp trước khi qua biên giới của bên gọi. Họ cũng không bị buộc phải thi hành hình phạt đã tuyên xử đối với hành vi phạm pháp này, cũng không bị truy tố, bị hạn chế tự do về những việc liên quan đến vụ án trong đó họ được gọi.

3. Người làm chứng hoặc người giám định sẽ không được hưởng sự bảo hộ nói ở khoản 2 Điều này nếu họ không rời khỏi lãnh thổ nước ký kết đã gọi họ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được báo là sự có mặt của họ không còn cần thiết nữa, không tính vào thời hạn này những ngày người làm chứng, người giám định buộc phải ở lại vì những lý do ngoài ý muốn của họ.

4. Những người bị gọi có quyền được thanh toán tiền tàu, xe và phí tồn lưu trú, cũng như được hưởng một khoản phụ cấp, ngoài ra người giám định còn được hưởng thù lao giám định. Trong giấy gọi sẽ ghi rõ các khoản phụ cấp được hưởng, nếu yêu cầu, người bị gọi được ứng trước một phần các phụ cấp.

5. Nếu một người được gọi để làm chứng lại đang bị bắt giam trên lãnh thổ của nước ký kết được yêu cầu, các cơ quan của nước này nói trong khoản 2 Điều 3 của Hiệp định sẽ thi hành những biện pháp cần thiết để chuyển người đó sang lãnh thổ nước ký kết yêu cầu với điều kiện là người đó tiếp tục bị giam ở nước này và được chuyển trả lại sau khi đã khai.

### **Điều 10. Chi phí trong việc tương trợ tư pháp**

1. Mỗi nước ký kết gánh chịu những chi phí về tương trợ tư pháp trên lãnh thổ mình.

2. Khi được yêu cầu, cơ quan nhận ủy thác thông báo cho cơ quan ủy thác số tiền chi phí, số tiền này nếu thu được, sẽ thuộc quyền của nước ủy thác.

### **Điều 11. Xác định địa chỉ**

Các cơ quan có thẩm quyền của nước ký kết sẽ giúp nhau tìm địa chỉ của những người đang trên lãnh thổ nước mình, khi việc này cần thiết để công dân nước kia đòi thực hiện quyền lợi.

### **Điều 12. Thông tin pháp luật**

Các cơ quan trung ương của hai nước ký kết khi được yêu cầu, sẽ thông báo cho nhau về pháp luật tư pháp đang có hiệu lực hoặc trước đây đã có hiệu lực trên lãnh thổ nước mình, kể cả gửi văn bản và thông tin về các vấn đề pháp lý và về án lệ.

### **Điều 13. Giá trị các giấy tờ**

1. Các giấy tờ do các cơ quan có thẩm quyền lập ra hoặc chứng nhận ở nước ký kết này theo đúng thể thức quy định được miễn chứng thực khi đem sử dụng ở nước ký kết kia. Quy định này cũng áp dụng đối với các giấy tờ có chữ ký đã được chứng thực theo đúng thể thức của một nước ký kết.

2. Quy định của khoản 1 Điều này cũng áp dụng đối với các bản sao và các bản dịch được một cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

3. Giấy tờ được coi là chính thức ở nước ký kết này cũng có giá trị là giấy tờ chính thức ở nước ký kết kia.

### **Điều 14. Từ chối tương trợ tư pháp**

Có thể từ chối việc tương trợ tư pháp nói trong Hiệp định này nếu nước ký kết được yêu cầu cho rằng việc tương trợ sẽ xâm phạm đến chủ quyền, hoặc an ninh, hoặc đến các nguyên tắc cơ bản của mình.

## **Phần II**

## **NHỮNG VẤN ĐỀ DÂN SỰ**

### **Chương I**

## **NHỮNG VẤN ĐỀ THUỘC QUY CHẾ NHÂN THÂN**

### **Điều 15. Năng lực sử dụng quyền và năng lực hành vi**

1. Năng lực sử dụng quyền và hành vi của một công dân mỗi nước ký kết do pháp luật của nước mà người là công dân quy định.

2. Năng lực pháp lý của một pháp nhân do pháp luật của nước ký kết đã thành lập pháp nhân quy định.

### **Điều 16. Mất và hạn chế năng lực hành vi**

1. Trừ phi Hiệp định này quy định khác, cơ quan tư pháp của nước ký kết mà một người là công dân là cơ quan có thẩm quyền để tước hoặc hạn chế năng lực hành vi của người đó.

2. Nếu thấy có lý do để tước hoặc hạn chế năng lực hành vi của công dân nước ký kết kia thường trú ở nước mình, cơ quan tư pháp của nước ký kết này sẽ thông báo cho cơ quan tư pháp có thẩm quyền của nước ký kết kia biết. Cũng có

thể quyết định những biện pháp tạm thời cần thiết để bảo vệ nhân thân và tài sản của người công dân nước ký kết kia.

3. Nếu trong thời hạn ba tháng kể từ ngày được thông báo về những sự kiện nêu ở khoản 2 Điều này, cơ quan tư pháp của nước ký kết có công dân kia không tự mình tiến hành thủ tục cần thiết hoặc không bày tỏ thái độ thì cơ quan tư pháp của nước ký kết này sẽ tiến hành thủ tục tước hoặc hạn chế năng lực hành vi. Quyết định về việc này sẽ chuyển cho cơ quan tư pháp có thẩm quyền của nước ký kết có công dân.

4. Nếu thủ tục do cơ quan tư pháp nói ở khoản 3 trên đây tiến hành thì chỉ có thể tước hoặc hạn chế năng lực hành vi vì những lý do quy định trong pháp luật của cả hai nước ký kết.

5. Cũng áp dụng những quy định của Điều này trong trường hợp phục hồi hoặc thay đổi năng lực hành vi.

### **Điều 17. Tuyên bố chết**

1. Việc tuyên bố một người chết thuộc thẩm quyền của cơ quan tư pháp nước ký kết mà theo những tin tức cuối cùng, người đó là công dân trước khi chết.

2. Cơ quan tư pháp của nước ký kết này có thể tuyên bố chết cũng như xác định ngày chết đối với công dân nước ký kết kia, theo yêu cầu của những người sống trên lãnh thổ nước ký kết này, khi họ chứng minh là có quyền lợi theo pháp luật của nước ký kết này.

3. Trong những trường hợp nói ở khoản 1 và khoản 2 Điều này, các cơ quan tư pháp áp dụng pháp luật của nước mình.

4. Những quyết định đã ra căn cứ vào khoản 2 Điều này chỉ có hiệu lực pháp lý trên lãnh thổ nước ký kết có cơ quan tư pháp đã ra quyết định.

## **Chương II**

### **NHỮNG VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH**

#### **Điều 18. Kết hôn**

1. Những điều kiện cho phép kết hôn giữa công dân nước ký kết này và công dân nước ký kết kia tùy thuộc pháp luật của nước mà họ là công dân. Về những trường hợp ngăn cấm tuyệt đối việc kết hôn, ngoài việc tuân theo pháp luật nước mình, công dân còn phải tuân theo pháp luật của nơi tiến hành kết hôn.

2. Về hình thức kết hôn thì tuân theo pháp luật của nơi kết hôn.

3. Về hình thức kết hôn trước đại diện cơ quan ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự thì tuân theo pháp luật của nước ký kết có cơ quan ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự.

4. Việc kết hôn giữa công dân hai nước ký kết với nhau, nhất thiết phải tiến hành theo hình thức Nhà nước mới có giá trị.

### **Điều 19. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa vợ chồng**

1. Nếu hai vợ chồng cùng là công dân nước ký kết này và cùng thường trú ở nước ký kết kia, thì quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản của họ sẽ tuân theo pháp luật của nước mà họ là công dân.

2. Nếu hai vợ chồng là công dân một nước ký kết, những người thường trú ở nước ký kết này, người thường trú ở nước ký kết kia thì quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản của họ sẽ tuân theo pháp luật của nước mà họ là công dân.

3. Nếu hai vợ chồng, người là công dân nước ký kết này, người là công dân nước ký kết kia, thì quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản của họ sẽ tuân theo pháp luật của nước ký kết nơi họ đang hoặc đã cùng thường trú.

4. Nếu hai vợ chồng nói ở khoản 3 Điều này đã không có nơi thường trú chung ở một nước nào, thì quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản của họ sẽ giải quyết theo pháp luật của nước ký kết có Toà án nhận đơn kiện.

5. Cơ quan tư pháp của nước ký kết mà hai vợ chồng là công dân có thẩm quyền để giải quyết về quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản của họ. Nếu khi mở đầu vụ kiện, khi vợ chồng cùng thường trú ở nước ký kết kia thì cơ quan tư pháp của nhà nước ký kết kia cũng có thẩm quyền.

6. Trong trường hợp hai vợ chồng, người là công dân nước ký kết này, người là công dân nước ký kết kia, thì cơ quan tư pháp của nước ký kết nơi họ thường trú chung thì cơ quan tư pháp của hai nước ký kết đều có thẩm quyền.

### **Điều 20. Ly hôn**

1. Việc ly hôn sẽ tuân theo pháp luật của nước ký kết mà hai vợ chồng là công dân khi đưa đơn ly hôn.

2. Nếu hai vợ chồng, người là công dân nước ký kết này, người là công dân nước ký kết kia, thì cơ quan tư pháp tiến hành tố tụng ly hôn sẽ xét xử theo luật pháp của nước mình.

3. Đối với những vụ ly hôn nói ở khoản 1 Điều này, thẩm quyền thuộc cơ quan tư pháp của nước ký kết mà hai vợ chồng là công dân khi đưa đơn ly hôn. Nếu khi đưa đơn ly hôn, hai vợ chồng thường trú ở nước ký kết kia thì cơ quan tư pháp của nước ký kết kia cũng có thẩm quyền.

4. Đối với những vụ ly hôn nói ở khoản 2 Điều này, thẩm quyền thuộc cơ quan tư pháp của nước ký kết nơi hai vợ chồng đang hoặc đã cùng thường trú. Nếu người thường trú ở nước ký kết này, người thường trú ở nước ký kết kia thì thẩm quyền thuộc cơ quan tư pháp của cả hai nước.

### **Điều 21. Kết hôn vô hiệu**

1. Việc xác định có kết hôn hay không có kết hôn và việc tuyên bố tiêu hủy kết hôn sẽ tuân theo pháp luật của nước ký kết nào đã được áp dụng khi kết hôn theo Điều 12 Hiệp định này.

2. Về thẩm quyền của cơ quan tư pháp thì tuân theo quy định 1 của Điều 20 hiệp định này.

## **Điều 22. Quan hệ pháp lý giữa cha mẹ và con cái**

1. Việc truy nhận, phủ nhận hoặc xác nhận quan hệ cha, con thì tuân theo pháp luật của nước ký kết mà người con là công dân sinh ra.

2. Việc hình thức truy nhận quan hệ con, chỉ cần tuân theo pháp luật của nước kết nơi truy nhận.

3. Quan hệ pháp lý giữa cha mẹ và con cái do pháp luật của nước ký kết mà người con là công dân điều chỉnh.

4. Cơ quan tư pháp của nước ký kết mà người con là công dân cũng như cơ quan tư pháp của nước ký kết nơi người con thường trú đều có thẩm quyền để giải quyết các quan hệ nói trong các khoản của điều này.

## **NGHĨA VỤ CẤP DƯỠNG**

### **Điều 23**

1. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa cha mẹ và con cái thì tuân theo pháp luật của nước ký kết mà người đòi cấp dưỡng là công dân.

2. Cơ quan tư pháp của nước ký kết nơi người đòi cấp dưỡng thường trú, có thẩm quyền để giải quyết các vụ kiện ở khoản 1 Điều này.

### **Điều 24**

Hai nước ký kết sẽ tiến hành mọi biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng và việc thi hành bản án hoặc quyết định khác của cơ quan tư pháp về cấp dưỡng. Hai nước ký kết sẽ có những biện pháp, làm cho việc chuyển tiền cấp dưỡng cho trẻ em chưa thành niên được ưu tiên tiến hành và không hạn chế.

### **Điều 25**

Trong trường hợp cơ quan tư pháp của nước ký kết này xét đơn đòi cấp dưỡng đối với một người cư trú ở nước ký kết kia, cơ quan tư pháp của Nước ký kết kia khi được yêu cầu sẽ giúp xác định nguồn và số thu nhập của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

## **NUÔI CON NUÔI**

### **Điều 26**

1. Việc nhận nuôi và huỷ bỏ việc nuôi thì tuân theo pháp luật của nước ký kết mà người đứng nuôi là công dân khi mở đầu thủ tục. Trong trường hợp nói ở khoản 2 Điều 27 Hiệp định này, hai vợ chồng, người là công dân nước ký kết này, người là công dân nước ký kết kia, thì phải tuân theo pháp luật của cả hai nước.

2. Về sự cần thiết phải được thỏa thuận của đứa trẻ hoặc của những người khác và của các cơ quan thì tuân theo pháp luật của nước ký kết mà đứa trẻ là công dân.



## **Điều 27**

1. Thẩm quyền giải quyết việc nhận con nuôi và việc hủy bỏ việc nuôi thuộc cơ quan của nước ký kết mà người đứng nuôi là công dân khi mở đầu thủ tục.

2. Nếu hai vợ chồng cùng đứng nuôi, người là công dân nước ký kết này, người là công dân nước ký kết kia, thì thẩm quyền giải quyết việc nhận nuôi và việc hủy bỏ việc nuôi, thuộc cơ quan tư pháp của nước ký kết nơi họ đang hoặc đã thường trú.

## **GIÁM HỘ**

### **Điều 28**

1. Về mở đầu và chấm dứt việc giám hộ thì phải tuân theo pháp luật của nước ký kết mà người được giám hộ là công dân.

2. Về quan hệ pháp lý giữa người giám hộ và người được giám hộ, thì tuân theo pháp luật của nước ký kết có cơ quan đã chỉ định người giám hộ.

3. Về nghĩa vụ nhận và thực hiện nhiệm vụ giám hộ thì tuân theo pháp luật của nước ký kết mà người giám hộ là công dân.

4. Trừ phi Hiệp định này quy định khác, cơ quan của nước ký kết của người được giám hộ là công dân có thẩm quyền để quyết định về mở đầu và chấm dứt việc giám hộ.

5. Những quyết định về mở đầu và chấm dứt việc giám hộ của cơ quan nước ký kết này đối với công dân mình cũng có hiệu lực ở nước ký kết kia.

### **Điều 29**

1. Nếu thấy cần thiết đặt một người giám hộ để bảo vệ quyền lợi của công dân nước ký kết kia thường trú hay tạm trú, hoặc có tài sản ở nước ký kết này, thì cơ quan tư pháp của nước ký kết này, báo ngay cho cơ quan ngoại giao hay cơ quan lãnh sự của nước ký kết kia.

2. Trong những trường hợp khẩn cấp, cơ quan tư pháp có thẩm quyền của nước ký kết này sẽ tiến hành những biện pháp tạm thời cần thiết, theo pháp luật của nước mình và thông báo ngay cho cơ quan Ngoại giao hay cơ quan lãnh sự của nước ký kết kia biết như nói ở khoản 1 điều này. Những biện pháp tạm thời này, có hiệu lực chừng nào mà cơ quan tư pháp của nước ký kết kia chưa quyết định biện pháp nào khác, hoặc có quyết định nhưng chưa thông báo cho cơ quan đã quyết định biện pháp tạm thời biết.

### **Điều 30**

1. Cơ quan tư pháp có thẩm quyền theo khoản 4 Điều 28 Hiệp định này có thể chuyển giao việc giám hộ cho cơ quan có thẩm quyền của nước ký kết kia nếu người được giám hộ thường trú ở nước ký kết kia. Việc chuyển giao có hiệu lực kể từ khi cơ quan của nước ký kết kia đảm nhận việc giám hộ. Cơ quan này khi đảm nhận việc giám hộ, phải thông báo ngay cho cơ quan đã chuyển giao.

2. Cơ quan có thẩm quyền đã đảm nhận việc giám hộ theo khoản 1 Điều này, sẽ áp dụng pháp luật của nước mình. Cơ quan đó có quyền quyết định về những vấn đề thuộc nhân thân người được giám hộ.

### **Điều 31. Hậu quả của việc bắt đầu thủ tục tố tụng**

Nếu thủ tục tố tụng về quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản của vợ chồng, về ly hôn cũng như về quan hệ cha mẹ, con cái đã bắt đầu tiến hành trước cơ quan tư pháp của nước ký kết này thì được tiến hành thủ tục tố tụng trước cơ quan tư pháp của nước ký kết kia để xét về cùng vụ kiện giữa cùng các bên đương sự. Cơ quan tư pháp nhận được đơn kiện sau phải tự động tuyên bố không có thẩm quyền.

## **Chương III**

### **Điều 32. Hình thức các giấy tờ pháp lý**

1. Hình thức các giấy tờ pháp lý phải tuân theo pháp luật hiện hành đối với mọi loại giấy tờ. Tuy nhiên, chỉ cần thỏa mãn những điều kiện quy định trong pháp luật của nơi giấy tờ được xuất trình.

2. Hình thức các giấy tờ pháp lý về bất động sản phải tuân theo pháp luật của nước ký kết nơi có bất động sản.

### **Điều 33. Trách nhiệm về thiệt hại gây ra**

Về trách nhiệm sửa chữa những thiệt do hành vi trái pháp luật cố ý hay không cố ý gây ra, thì tuân theo pháp luật của nước ký kết nơi xảy ra hành vi trái pháp luật. Cơ quan tư pháp của nước ký kết này có thẩm quyền để giải quyết các tranh chấp liên quan.

## **Chương IV**

### **VẤN ĐỀ THỪA KẾ**

### **Điều 34. Nguyên tắc bình đẳng**

1. Công dân nước ký kết này, do thừa kế theo pháp luật, hay thừa kế theo di chúc, có thể được hưởng tài sản và quyền lợi khác ở nước ký kết kế theo cùng điều kiện và cùng mức độ như công dân của chính nước ký kết kia.

2. Công dân nước ký kết này có thể định đoạt bằng chúc thư về tài sản mà họ có ở nước ký kết kia.

### **Điều 35**

1. Pháp luật điều chỉnh quyền thừa kế động sản là pháp luật của nước ký kết mà người quá cố là công dân khi chết.

2. Pháp luật điều chỉnh quyền thừa kế bất động sản là pháp luật của nước ký kết nơi có bất động sản.

3. Việc phân biệt tài sản thừa kế là động sản hay bất động sản sẽ theo pháp luật của nước mà ở đó có tài sản thừa kế.

### **Điều 36**

1. Năng lực để lập hoặc bãi bỏ chúc thư cũng như thủ tục, phản đối việc lập hoặc bãi bỏ chúc thư vì lý do ý chí của người để lại chúc thư không bình thường hoặc vì việc bày tỏ ý chí ấy không được tự do, được xác định theo pháp luật của nước ký kết mà người để lại chúc thư là công dân khi lập hoặc bãi bỏ chúc thư.

2. Về hình thức lập hoặc bãi bỏ chúc thư thì tuân theo pháp luật của nước ký kết mà người quá cố là công dân khi lập hoặc bãi bỏ chúc thư. Hình thức lập hoặc bãi bỏ chúc thư cũng có giá trị nếu tuân theo pháp luật của nước ký kết nơi lập hoặc bãi bỏ chúc thư.

### **Điều 37. Không có người thừa kế**

Nếu không có người thừa kế theo luật pháp của nước ký kết có thẩm quyền về quan hệ thừa kế, thì động sản thuộc nước ký kết mà người quá cố là công dân khi chết; bất động sản thuộc nước ký kết nơi có bất động sản.

### **Điều 38**

1. Trừ trường hợp nói ở khoản 2 Điều này, thẩm quyền giải quyết về thừa kế động sản thuộc cơ quan tư pháp của nước ký kết mà người quá cố là công dân khi chết.

2. Trong trường hợp toàn bộ động sản thừa kế của công dân nước ký kết này lại để ở nước ký kết kia, thì cơ quan của nước ký kết kia có thể quyết định về khối động sản ấy khi được một người thừa kế nào đó yêu cầu và với điều kiện là tất cả những người thừa kế được biết khác đều thỏa thuận.

3. Thẩm quyền giải quyết về thừa kế bất động sản bao giờ cũng thuộc cơ quan tư pháp của nước ký kết nơi có bất động sản.

4. Quy định ở các khoản 1 và 3 Điều này cũng áp dụng để giải quyết các vụ kiện về thừa kế.

### **Điều 39. Bảo quản tài sản thừa kế**

1. Nếu tài sản thừa kế của công dân nước ký kết kia lại để ở nước ký kết này, thì cơ quan của nước ký kết này sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết phù hợp với pháp luật của nước mình để bảo quản và quản lý tài sản thừa kế ấy. Cũng tiến hành những biện pháp này cả trong trường hợp tài sản thừa kế có thể sẽ được chuyển cho công dân của nước ký kết kia hưởng.

2. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành những biện pháp nói ở khoản 1 trên đây thông báo ngay cho cơ quan ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của nước ký kết kia để các cơ quan này có thể trực tiếp hoặc qua người được ủy nhiệm mà tham gia tiến hành các biện pháp bảo quản.

3. Theo yêu cầu của cơ quan tư pháp có thẩm quyền quyết định việc thừa kế, có thể gia hạn, thay đổi hoặc bãi bỏ các biện pháp đã tiến hành theo khoản 1 trên đây.

#### **Điều 40. Công bố chúc thư**

Cơ quan tư pháp nước ký kết nơi giữ chúc thư có thẩm quyền để mở ra công bố chúc thư, để xác định tình trạng và nội dung chúc thư cũng như để tiến hành tố tụng về giá trị chúc thư. Trong trường hợp người quá cố là công dân của nước ký kết kia khi chết, thì gửi cho cơ quan tư pháp của nước ký kết kia một bản sao chúc thư được chứng thực, cũng như văn bản về tình trạng, nội dung chúc thư. Nếu được yêu cầu thì gửi bản gốc chúc thư.

#### **Điều 41. Chuyển giao tài sản thừa kế**

1. Nếu động sản thừa kế của một người khi chết là công dân nước ký kết kia, lại để ở nước ký kết này, thì tài sản đó sẽ được chuyển cho cơ quan tư pháp, cơ quan ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự nước ký kết kia để giải quyết, với điều kiện là quy định nói ở điểm b khoản 4 Điều này được tuân theo.

2. Thuế về thừa kế bất động sản do nước ký kết nơi có bất động sản thu. Trừ phi Hiệp định này quy định khác, thuế về thừa kế động sản do nước ký kết mà người ký kết là công dân khi chết thu.

3. Trong trường hợp theo quyết định giải quyết việc thừa kế, tài sản thừa kế thuộc về những người thường trú ở nước ký kết kia, nhưng không có khả năng chuyển giao cho những người đã được xác định này, hoặc cho người thay mặt họ, thì chuyển giao tài sản thừa kế cho cơ quan ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của nước ký kết kia.

4. Tài sản thừa kế được chuyển giao với những điều kiện sau đây:

a) Mọi khoản thu thuế và phụ thu về thừa kế đã được nộp đi hoặc bảo đảm sẽ được nộp đủ;

b) Cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép cần thiết cho việc chuyển đồ vật hoặc tiền thừa ra nước ngoài;

c) Tất cả các món nợ của người quá cố, được khai báo trong thời gian quy định của pháp luật nước ký kết nơi để tài sản thừa kế, đã được thanh toán hoặc bảo đảm sẽ được thanh toán.

### **Chương V**

#### **ÁN PHÍ**

#### **Điều 42. Miễn cước án phí**

1. Đối với công dân nước ký kết này tham gia tố tụng ở nước ký kết kia mà thường trú ở một trong hai nước thì không phải nộp bất cứ một khoản án phí nào.

2. Cơ quan tư pháp nước ký kết này có thể yêu cầu công dân nước ký kết kia ứng trước một phần chi phí về xác định chứng cứ trong cùng điều kiện và mức độ như nhau đối với công dân nước mình.

## **MIỄN ÁN PHÍ, LỆ PHÍ**

### **Điều 43**

Công dân nước ký kết này được hưởng ở nước ký kết kia việc miễn án phí, miễn lệ phí công chứng và quyền được thay mặt không mất tiền theo cùng những điều kiện như đối với công dân nước ký kết kia.

### **Điều 44**

1. Đơn xin miễn các khoản nói ở Điều 43 Hiệp định này cũng có thể gửi đến cơ quan tư pháp nước ký kết mà người xin là công dân. Cùng với đơn xin miễn phí có thể gửi đơn khởi kiện về vụ án trong đó xin miễn phí.

2. Đơn xin miễn phí theo khoản 1 Điều này và đơn khởi kiện nếu có, sẽ được chuyển cho cơ quan tư pháp của nước ký kết kia theo cách thức nói ở Điều 3 Hiệp định này.

### **Điều 45**

1. Đơn xin miễn phí nói ở Điều 43 Hiệp định này phải kèm theo giấy chứng nhận về tình hình nhân thân, gia đình và tài sản của người xin giấy chứng nhận này do cơ quan có thẩm quyền của nước ký kết nơi người xin thường trú cấp.

2. Trong trường hợp người xin không thường trú ở nước ký kết nào, giấy chứng nhận có thể do cơ quan ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của nước ký kết mà người xin là công dân cấp.

3. Cơ quan tư pháp giải quyết việc xin miễn phí có thể yêu cầu cơ quan cấp giấy chứng nhận cho biết tình hình hoặc giải thích thêm những điều cần thiết.

## **Chương VI**

### **CÔNG NIẬN VÀ THI HÀNH CÁC QUYẾT ĐỊNH**

### **Điều 46**

1. Các nước ký kết công nhận và thi hành trên lãnh thổ nước mình, theo quy định của Hiệp định này, những quyết định dưới đây của nước ký kết kia:

a) Các quyết định về dân sự cũng như các bản thỏa thuận về dân sự liên quan đến quyền sở hữu đã được Tòa án phê chuẩn;

b) Các quyết định về bồi thường thiệt hại trong các bản án hình sự.

2. Các Nước ký kết công nhận và thi hành trên lãnh thổ nước mình theo quy định của Hiệp định này, các quyết định của Trọng tài:

a) Nếu quyết định được căn cứ vào một hợp đồng viết xác định thẩm quyền của cơ quan trọng tài và quyết định ấy được cơ quan trọng tài ra trong phạm vi quyền hạn thoả thuận;

b) Nếu hợp đồng xác định thẩm quyền của cơ quan trọng tài giá trị pháp lý theo pháp luật của nước mà các bên đương sự đã lựa chọn, hoặc trong trường hợp không có pháp luật được lựa chọn thì phải có giá trị theo pháp luật của nước ký kết nơi công nhận và thi hành quyết định.

#### **Điều 47**

1. Các quyết định nói ở Điều 47 Hiệp định này sẽ được công nhận và thi hành nếu đủ những điều kiện dưới đây:

a) Quyết định đã có hiệu lực pháp luật và hiệu lực thi hành theo pháp luật của nước ký kết nơi đã ra quyết định;

b) Cơ quan ra quyết định là cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Hiệp định này hoặc theo pháp luật của nước ký kết được yêu cầu công nhận hoặc thi hành quyết định;

c) Trước đây chưa có một quyết định có hiệu lực pháp luật với cùng một vụ kiện giữa cùng các bên đương sự của cơ quan tư pháp nước ký kết được yêu cầu thi hành quyết định, hoặc trước đây nước ký kết này chưa công nhận một quyết định có hiệu lực pháp luật nước thứ ba;

d) Quyết định đã được ra căn cứ vào pháp luật nói trong Hiệp định này;

e) Bên thua kiện đã không bị tước khả năng tham gia tố tụng và nếu thuộc trường hợp không có năng lực hành vi thì người ấy đã được thay mặt một cách hợp pháp; giấy gọi đến Tòa án hoặc đơn khởi kiện đã được tổng đạt cho đích thân người ấy;

f) Nước ký kết được yêu cầu thấy rằng việc công nhận và thi hành quyết định không phương hại đến chủ quyền hoặc an ninh hoặc không trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình.

2. Những quyết định tạm thời và quyết định ứng trước trong lĩnh vực cấp dưỡng có thể thi hành ở nước ký kết được yêu cầu mặc dù có thể bị khiếu nại lên cơ quan tư pháp cấp trên.

#### **Điều 48**

1. Những quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan tư pháp nước ký kết này về hộ tịch của công dân nước ký kết kia sẽ được công nhận ở nước ký kết kia theo điều kiện nói trong Điều 47 Hiệp định này.

2. Bất cứ người nào có lợi ích cũng có thể yêu cầu tiến hành việc công nhận nói ở khoản 1 Điều này.

## **Điều 49**

Những quy định có hiệu lực pháp luật của cơ quan tư pháp của một nước ký kết về hộ tịch của công dân nước mình đều có giá trị ở nước ký kết kia, không cần phải kiểm tra lại.

## **Điều 50**

Cơ quan có thẩm quyền để công nhận và ra lệnh thi hành các quyết định là cơ quan tư pháp của nước ký kết nơi quyết định phải được công nhận hoặc được thi hành.

## **Điều 51**

1. Đơn xin công nhận hoặc xin thi hành một quyết định có thể gửi thẳng cho cơ quan tư pháp có thẩm quyền của nước ký kết nơi công nhận hoặc thi hành quyết định hoặc gửi cho cơ quan đã xử sơ thẩm. Ở trường hợp sau, đơn sẽ được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền của nơi công nhận hoặc thi hành quyết định, theo quy định của Điều 3 Hiệp định này.

2. Đơn xin công nhận hoặc thi hành quyết định phải kèm theo:

a) Bản sao có thị thực của quyết định cùng văn bản xác nhận rằng quyết định đã có hiệu lực pháp luật và có hiệu lực thi hành hoặc hiệu lực thi hành tạm thời trừ phi bản thân quyết định đã thể hiện những điều này;

b) Giấy chứng nhận được chứng thực là người thua kiện vắng mặt khi ở phiên tòa đã được gọi đúng thể thức, trong thời hạn quy định và nếu thuộc trường hợp không có năng lực hành vi, thì người đó đã được thay mặt một cách hợp pháp;

c) Một bản dịch được chứng thực của các văn bản nói ở các điểm a và b trên đây ra tiếng chính thức của nước ký kết nơi công nhận và thi hành quyết định.

## **Điều 52**

1. Cơ quan quyết định về việc công nhận và việc cho thi hành quyết định chỉ kiểm tra xem đã đủ các điều kiện nói ở Điều 47 và Điều 51 Hiệp định này chưa. Nếu đủ thì cơ quan ấy công nhận và ra lệnh thi hành quyết định.

2. Trừ phi Hiệp định này quy định khác, cơ quan tư pháp có thẩm quyền sẽ công nhận và cho thi hành các quyết định theo pháp luật của nước mình.

## **Điều 53**

1. Nếu một đương sự được miễn cước án phí theo Điều 42 Hiệp định này lại bị quyết định có hiệu lực pháp luật buộc phải chịu án phí, cơ quan tư pháp của nước ký kết kia, theo yêu cầu của bên được hưởng, sẽ cho thi hành quyết định đó mà không thu một khoản tiền nào.

2. Những quy định của Điều 51 Hiệp định này được áp dụng theo tương tự để thi hành nói ở khoản 1 trên đây.

3. Cơ quan có thẩm quyền đề ra lệnh thi hành quyết định về án phí theo khoản I Điều này chỉ cần kiểm tra xem quyết định đó đã có hiệu lực pháp luật và hiệu lực thi hành chưa.

#### **Điều 54**

Cơ quan của nước ký kết nơi mà Nhà nước đã ứng trước các án phí sẽ yêu cầu cơ quan tư pháp của nước ký kết kia thu lại các khoản đó. Tiền thu được sẽ nộp cho cơ quan ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của nước ký kết yêu cầu.

#### **Điều 55**

Quy định của Hiệp định này về việc thi hành các quyết định không phương hại đến các quy định của các nước ký kết về việc chuyển ra nước ngoài tiền và đồ vật do thi hành các quyết định mà có.

### ***Chương VII***

## **CHUYỂN GIẤY HỘ TỊCH**

#### **Điều 56**

1. Nước ký kết này sẽ chuyển cho nước ký kết kia các trích lục hộ tịch của công dân nước ký kết kia. Việc chuyển được tiến hành qua cơ quan ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự và không lấy tiền.

2. Các nước ký kết khi được yêu cầu, gửi cho nhau và không lấy tiền theo cách thức nói ở khoản 1 Điều này, các trích lục hộ tịch để các cơ quan có thẩm quyền sử dụng trong công tác.

3. Công dân nước ký kết này có thể trực tiếp gửi đến cho cơ quan có thẩm quyền của nước ký kết kia để xin cấp trích lục hộ tịch hoặc tài liệu khác về hộ tịch. Các tài liệu sẽ gửi cho người xin cấp qua cơ quan ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của bên cấp. Cơ quan ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự khi giao tài liệu sẽ thu các lệ phí đã quy định.

#### **Điều 57**

1. Khi cơ quan có thẩm quyền của nước ký kết này bổ sung hoặc sửa đổi trong sổ hộ tịch những điều liên quan đến công dân nước ký kết kia, cơ quan đó sẽ gửi cho nước ký kết kia bản trích lục hộ tịch với những điểm bổ sung hoặc sửa đổi.

2. Nước ký kết này sẽ gửi cho nước ký kết kia bản sao những quyết định đã có hiệu lực pháp luật về hộ tịch của công dân nước ký kết kia.

3. Các tài liệu nói ở các khoản 1 và 2 Điều này được gửi theo như quy định ở khoản Điều 56 Hiệp định này và không lấy tiền.



**Phần III**  
**NHỮNG VẤN ĐỀ HÌNH SỰ**  
**Chương I**

**Điều 58. Tương trợ tư pháp**

Trừ phi Phần này quy định khác, việc tương trợ tư pháp về hình sự sẽ theo các quy định của Phần 1 Hiệp định này.

**Điều 59. Tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự**

1. Khi được nước ký kết kia yêu cầu, nước ký kết này theo pháp luật của mình sẽ truy cứu trách nhiệm hình sự của công dân mình đã có hành vi phạm tội ở nước ký kết kia.

2. Phạm vi cam kết tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự bao gồm cả những hành vi, theo pháp luật của nước ký kết yêu cầu thì là tội phạm, nhưng theo pháp luật của nước ký kết được yêu cầu thì không phải là tội phạm và thuộc các cơ quan không phải là Tòa án xử lý.

3. Quyền được bồi thường của những người bị thiệt hại mà quá trình tiến hành tố tụng tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự phát hiện ra sẽ được xem xét trong quá trình này, các cơ quan có thẩm quyền của nước ký kết đã tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự, theo pháp luật của nước mình, sẽ có những biện pháp cần thiết để những yêu cầu về bồi thường thiệt hại được giải quyết trong quá trình tố tụng hình sự.

**Điều 60. Nội dung yêu cầu tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự**

1. Văn bản yêu cầu tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc phụ lục cần nêu những điểm dưới đây:

- a) Những điểm về hộ tịch kẻ cả quốc tịch;
- b) Miêu tả sự việc xảy ra;
- c) Những chứng cứ;
- d) Bản sao các biên bản điều tra, xét hỏi nếu cần thiết, hoặc một số kết quả việc điều tra;
- e) Điều luật áp dụng theo pháp luật của nơi đã xảy ra hành vi phạm tội, kể cả điều luật về thời hiệu;
- f) Yêu cầu về bồi thường thiệt hại.

2. Khi nước ký kết được yêu cầu đặt vấn đề, nước ký kết yêu cầu sẽ cung cấp những chứng cứ bổ sung.

3. Nếu sau khi văn bản yêu cầu tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự được gửi đi mà bị can bị tù hoặc bị tạm giam thì phải ra lệnh chuyển giao bị can cho nước ký kết được yêu cầu.

4. Nước ký kết được yêu cầu thông báo cho nước ký kết yêu cầu quyết định cuối cùng. Nếu có đòi hỏi, sẽ gửi cho nước ký kết yêu cầu bản sao toàn văn quyết định.

## ***Chương II***

### **DẪN ĐỘ**

#### **Điều 61. Nghĩa vụ dẫn độ**

Khi được yêu cầu, các nước ký kết, theo quy định của Hiệp định này sẽ chuyển giao cho nhau những người đang ở trên lãnh thổ mình để nước ký kết kia truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bắt thi hành hình phạt.

#### **Điều 62. Điều kiện dẫn độ**

1. Chỉ dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự những người đã có hành vi mà theo pháp luật của cả hai nước ký kết, có thể bị phạt tù trên một năm.

2. Chỉ dẫn độ để bắt thi hành hình phạt những người phạm tội mà theo pháp luật của cả hai nước ký kết bị phạt tù trên một năm.

#### **Điều 63. Từ chối dẫn độ**

1. Sẽ không dẫn độ trong những trường hợp dưới đây:

- a) Đối tượng dẫn độ là công dân của nước ký kết được yêu cầu dẫn độ;
- b) Phạm tội đã xảy ra trên lãnh thổ nước ký kết được yêu cầu dẫn độ;
- c) Theo pháp luật của nước ký kết được yêu cầu dẫn độ không thể tiến hành tố tụng hoặc bắt chấp hành án vì lý do thời hiệu hoặc vì những lý do khác quy định trong pháp luật;
- d) Theo pháp luật của một trong hai nước ký kết không thể chấp nhận việc dẫn độ;

e) Đối với đối tượng dẫn độ, về cùng hành vi phạm tội, đã có bản án đã có hiệu lực pháp luật hoặc một quyết định miễn tố của nước ký kết yêu cầu dẫn độ.

2. Nếu từ chối dẫn độ, nước ký kết được yêu cầu sẽ thông báo cho nước ký kết yêu cầu biết và nêu rõ lý do.

#### **Điều 64. Yêu cầu dẫn độ**

1. Công văn yêu cầu dẫn độ để tiến hành tố tụng hình sự phải kèm theo lệnh bắt, bản mô tả hành vi phạm tội, bản nêu lên những chứng cứ dẫn đến nhất định là có hành vi phạm tội cũng như điều văn của pháp luật áp dụng đối vi hành vi phạm tội và điều văn của pháp luật về thời hiệu. Nếu hành vi phạm tội đã gây thiệt hại thì nêu mức độ và số lượng thiệt hại.

2. Công văn yêu cầu dẫn độ để thi hành hình phạt thì phải kèm theo bản sao bản án đã có hiệu lực pháp luật cũng như điều văn của pháp luật áp dụng. Nếu người bị kết án đã thi hành một phần hình phạt thì nói rõ thời gian này.

3. Công văn yêu cầu dẫn độ, trong phạm vi có thể sẽ được kèm theo bản tả nhận dạng đối tượng dẫn độ, tài liệu về hoàn cảnh người đó, một bức ảnh cũng như điều cần biết về quốc tịch và nơi cư trú, trừ phi những điều này đã được nói trong lệnh bắt hoặc trong bản án.

#### **Điều 65. *Bổ sung tài liệu về dẫn độ***

Nếu công văn yêu cầu dẫn độ chưa đủ những tài liệu cần thiết, nước ký kết được yêu cầu có thể bổ sung và định một thời hạn hai tháng cho việc bổ sung. Chiều theo đề nghị của nước ký kết yêu cầu, thời hạn này có thể kéo dài nhưng tối đa không quá hai tháng nữa.

#### **Điều 66. *Bắt giữ để dẫn độ***

Sau khi nhận được công văn yêu cầu dẫn độ, nước ký kết được yêu cầu sẽ tiếp hành ngay những biện pháp cần thiết để bắt giữ người bị dẫn độ. Không cần thiết tiến hành những biện pháp này nếu rõ ràng là, theo Hiệp định này, không thể dẫn độ.

#### **Điều 67. *Bắt giữ tạm thời***

1. Thẻ theo yêu cầu của nước ký kết kia, nước ký kết này có thể bắt giữ trước khi nhận được công văn yêu cầu dẫn độ, nếu cơ quan có thẩm quyền của nước ký kết kia viện dẫn một lệnh bắt hoặc một bản án đã có hiệu lực pháp luật sau này sẽ gửi cùng với công văn yêu cầu dẫn độ, yêu cầu bắt giữ trước có thể chuyển bằng bưu chính, telex, radio, điện thoại hoặc phương tiện khác tương tự.

2. Mặc dù không có yêu cầu theo khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền của nước ký kết này có thể bắt giữ một người đang có mặt ở nước mình nếu người đó đã phạm ở nước ký kết kia một tội đưa đến dẫn độ theo Hiệp định này.

3. Việc bắt giữ theo các khoản 1 và 2 Điều này phải được thông báo ngay cho nước ký kết kia.

#### **Điều 68. *Trả tự do cho người bị bắt giữ***

1. Nước ký kết được yêu cầu có thể trả tự do cho người bị bắt giữ nếu không nhận được tài liệu bổ sung theo thời hạn định trong Điều 65 Hiệp định này.

2. Người bị bắt giữ theo Điều 67 Hiệp định này sẽ được trả tự do nếu nước ký kết đã bắt giữ không nhận được yêu cầu dẫn độ trong thời hạn hai tháng kể từ ngày nước ký kết kia đã được thông báo về việc bắt giữ tạm thời.

#### **Điều 69. *Hoãn dẫn độ***

Nếu người bị dẫn độ đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải thi hành hình phạt về một tội khác đã phạm ở nước ký kết được yêu cầu, có thể hoãn việc dẫn độ đến khi kết thúc tố tụng hình sự hoặc khi thi hành xong hình phạt.

### **Điều 70. Dẫn độ tạm thời**

1. Nếu hoãn dẫn độ sẽ đưa đến thời hiệu hoặc gây trở ngại nghiêm trọng việc điều tra vụ án, thì theo yêu cầu có nói rõ lý do của nước ký kết kia, nước ký kết được yêu cầu có thể cho dẫn độ tạm thời để nước ký kết kia tiến hành một số hành vi tố tụng.

2. Người bị dẫn độ tạm thời phải được giao trả ngay sau khi kết thúc tố tụng nói ở khoản 1 trên đây, chậm nhất là ba tháng kể từ ngày dẫn độ tạm thời.

### **Điều 71. Nhiều nước cùng yêu cầu dẫn độ**

Nếu nhiều nước yêu cầu dẫn độ cùng một người thì nước ký kết được yêu cầu sẽ quyết định nên thỏa mãn nước nào. Sẽ tính đến quốc tịch của người bị dẫn độ, nơi đã phạm tội và mức độ nghiêm trọng của tội phạm.

### **Điều 72. Giới hạn của việc truy cứu trách nhiệm hình sự**

1. Không có sự thỏa thuận của nước ký kết được yêu cầu thì không được truy tố người bị dẫn độ cũng như không được bắt người đó thi hành hình phạt về những tội đã phạm trước khi bị dẫn độ và không phải là căn cứ để yêu cầu dẫn độ. Cũng không được giao người đó cho nước thứ ba.

2. Không cần có sự thỏa thuận của nước ký kết đã cho dẫn độ trong những trường hợp dưới đây:

a) Người bị dẫn độ tuy không phải là công dân nước ký kết yêu cầu dẫn độ, và mặc dù có điều kiện người đó đã không rời khỏi nước dù trong thời hạn một tháng kể từ ngày kết thúc tố tụng hình sự hoặc thi hành xong hình phạt.

Không tính vào thời hạn này, những ngày người bị dẫn độ không thể rời khỏi nước yêu cầu dẫn độ, về những lý do ngoài ý muốn của người đó;

b) Sau khi rời khỏi nước ký kết yêu cầu dẫn độ, người bị dẫn độ đã tự mình trở lại nước này.

### **Điều 73. Thông tin về kết quả tố tụng hình sự**

Các nước ký kết sẽ thông báo cho nhau kết quả tố tụng hình sự đã tiến hành đối với những người bị dẫn độ. Nếu đã tuyên xử một bản án có hiệu lực pháp luật đối với những người đó, thì gửi một bản sao bản án cho nước ký kết kia.

### **Điều 74. Thực hiện việc dẫn độ**

Nước ký kết được yêu cầu sẽ thông báo cho nước ký kết yêu cầu về địa điểm và ngày dẫn độ. Nước ký kết đã yêu cầu dẫn độ không tiếp nhận người bị dẫn độ trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày ấn định để dẫn độ, thì người bị dẫn độ có thể được trả tự do. Theo thỏa thuận của nước ký kết, thời hạn này có thể kéo dài nhưng tối đa không quá mười lăm ngày nữa.

### **Điều 75. Dẫn độ lại**

Nếu người bị dẫn độ đó tiến hành tố tụng hình sự hoặc để thi hành hình phạt trốn tránh việc tiến hành tố tụng hoặc việc thi hành hình phạt bằng bất cứ

cách nào và quay trở lại hoặc có mặt ở nước ký kết đã dẫn độ, người đó sẽ bị dẫn độ lại, thể theo yêu cầu của nước ký kết kia. Yêu cầu dẫn độ lại không phải kèm theo những tài liệu nói ở Điều 64 Hiệp định này.

### **Điều 76. *Quá cảnh***

1. Thể theo yêu cầu của nước ký kết kia, nước ký kết này sẽ cho chuyển qua lãnh thổ của mình những người mà một nước thứ ba dẫn độ cho nước ký kết kia. Có thể từ chối, không cho quá cảnh nếu thuộc trường hợp không thể dẫn độ theo quy định của hiệp định này.

2. Việc xin quá cảnh phải làm và gửi theo đúng cách thức đối với việc xin dẫn độ.

3. Các cơ quan của nước ký kết cho quá cảnh tiến hành việc quá cảnh theo cách thức thích hợp nhất đối với họ.

### **Điều 77. *Chi phí cho dẫn độ và quá cảnh***

1. Chi phí về dẫn độ trên lãnh thổ nước ký kết nào do nước ký kết ấy chịu, trừ chi phí về vận chuyển thì do nước ký kết yêu cầu dẫn độ chịu.

2. Chi phí về quá cảnh do nước ký kết yêu cầu cho quá cảnh chịu.

### **Điều 78. *Chuyển giao đồ vật***

1. Những vật dụng để phạm tội - tội dẫn đến việc dẫn độ theo Hiệp định này cũng như những đồ vật do phạm tội mà chiếm được hoặc giá trị của nó và bất cứ đồ vật gì của kẻ phạm tội mà có thể dùng làm chứng cứ trong tố tụng hình sự, đều phải chuyển giao cho nước ký kết yêu cầu. Cũng chuyển giao các đồ vật này cả trong trường hợp không thực hiện việc dẫn độ vì lý do người bị dẫn độ chết hoặc vì lý do khác.

2. Nước ký kết được yêu cầu có thể tạm thời hoãn việc chuyển giao đồ vật nếu cần sử dụng đồ vật ấy trong vụ án khác.

3. Quyền lợi của những người thứ ba đối với các đồ vật chuyển giao không bị phương hại. Sau khi kết thúc tố tụng hình sự, nước ký kết yêu cầu sẽ chuyển lại các đồ vật này cho nước ký kết được yêu cầu để trả lại cho những người có quyền lợi. Trong trường hợp những người có quyền lợi lại ở nước ký kết yêu cầu thì với sự thỏa thuận của nước ký kết được yêu cầu, sẽ trao trả thẳng cho những người đó.

### **Điều 79. *Thông báo các bản án***

1. Hàng năm, hai nước ký kết sẽ thông báo cho nhau những bản án hình sự có hiệu lực pháp luật đã tuyên xử đối với công dân của nước ký kết kia.

2. Khi được yêu cầu, các cơ quan có thẩm quyền của nước ký kết này sẽ gửi cho các cơ quan của nước ký kết kia và không lấy tiền các trích lục lý lịch tư pháp.

*Phần IV*

**ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

**Điều 80. Hiệp định này sẽ được phê chuẩn**

Việc trao đổi thư phê chuẩn sẽ tiến hành ở Hà Nội

**Điều 81**

Hiệp định này có hiệu lực kể từ ngày thứ ba mươi sáu ngày trao đổi thư phê chuẩn và hiệu lực trong 5 (năm) năm.

Hiệp định này được gia hạn từng năm năm một, trừ phi một nước ký kết yêu cầu bãi bỏ bằng văn bản trong thời hạn sáu tháng trước khi kết thúc kỳ hạn năm năm hiện hành.

Làm tại Praha ngày 12 tháng 10 năm 1982, thành hai bản gốc, một bản bằng tiếng Việt, một bản bằng tiếng Tiệp Khắc, hai văn bản có giá trị như nhau.

**ĐẠI DIỆN TOÀN QUYỀN CHỦ TỊCH HỘI  
ĐỒNG NHÀ NƯỚC NƯỚC CỘNG HÒA XÃ  
HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ĐẠI DIỆN TOÀN QUYỀN CHỦ TỊCH NƯỚC  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TIỆP  
KHẮC**

**Phan Hiền**

**Antonin Kaspar**